

Bản án số: 33/2017/HS-PT
Ngày 27-11-2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Làn Dìn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lương và ông Hoàng Hữu Khoa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 38/2017/HSPT ngày 02 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Mai Q do có kháng cáo của bị cáo và những người bị hại đối với Bản án số: 92/2017/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Mai Q - Sinh ngày 08/12/1982.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C- Sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1958; Có chồng là anh Phạm Ngọc S - Sinh năm 1973 và có 02 người con (con lớn sinh năm 2004 và con nhỏ sinh năm 2012);

Tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại có kháng cáo:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T – Sinh ngày 14/10/1968

Địa chỉ: Tổ 16, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

2. Chị Bùi Thị H - Sinh ngày 09/01/1961.

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Chị Trần Thị A - Sinh ngày 01/10/1962

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

4. Anh Phan Tiến V - Sinh ngày 01/01/1982

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

5. Chị Trần Thị L - Sinh ngày 21/12/1982.

Địa chỉ: Tổ 16, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến ngày 15/2/2012, do có mối quan hệ quen biết, lợi dụng nhu cầu cần xin việc làm của bị hại và cho con em của những người bị hại, mặc dù không có khả năng xin việc làm nhưng bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo Nguyễn Thị Mai Q đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Nguyễn Thị Mai Q có quan hệ là hàng xóm của chị Nguyễn Thị Thanh T (sinh năm 1968, ĐKKH: Tổ 16, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai). Tháng 5/2011, Nguyễn Thị Mai Q có trao đổi và thỏa thuận với chị T là có khả năng xin việc làm cho con trai của chị T vào làm tại công ty A với giá là 80.000.000đồng. Ngày 6/6/2011 chị T đã đưa cho Nguyễn Thị Mai Q số tiền trên cùng 01 bộ hồ sơ xin việc làm. Nguyễn Thị Mai Q và chị T thống nhất để Nguyễn Thị Mai Q viết giấy biên nhận và hẹn ngày 6/9/2011 sẽ hoàn trả tiền nếu không xin được việc. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, Nguyễn Thị Mai Q không thực hiện xin việc làm như đã thỏa thuận với chị T mà dùng số tiền đó vào việc chi tiêu cá nhân. Do không có khả năng trả lại tiền, ngày 15/2/2012 Nguyễn Thị Mai Q có viết giấy khất nợ với chị T và hẹn ngày 30/6/2012 sẽ trả số tiền trên. Nhưng sau đó Nguyễn Thị Mai Q đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Vụ thứ hai: Nguyễn Thị Mai Q có quan hệ quen biết với chị Bùi Thị H (sinh năm 1961, ĐKKH: Tổ 4, Thị trấn Tăng Loỏng, huyện B, tỉnh Lào Cai). Nguyễn Thị Mai Q có trao đổi và thỏa thuận với chị H là có khả năng xin việc làm cho con gái của chị H vào làm tại công ty A với giá là 75.000.000đồng. Ngày 6/12/2011 chị H đã đưa cho Nguyễn Thị Mai Q số tiền trên cùng 01 bộ hồ sơ xin việc làm. Nguyễn Thị Mai Q và chị H thống nhất để Nguyễn Thị Mai Q viết giấy biên nhận và hẹn “03 tháng sau sẽ có quyết định đi làm, sau 03 tháng không xin được việc thì sẽ hoàn trả lại số tiền trên”. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, Nguyễn Thị Mai Q không thực hiện xin việc làm như đã thỏa thuận với chị H

mà dùng số tiền đó vào việc chi tiêu cá nhân. Sau đó Nguyễn Thị Mai Q đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Vụ thứ ba: Nguyễn Thị Mai Q có quan hệ quen biết với chị Trần Thị A (sinh năm 1962, ĐKHK: Thôn B, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai). Nguyễn Thị Mai Q có trao đổi và thỏa thuận với chị A là có khả năng xin việc làm cho con trai của chị A vào làm tại công ty A với giá là 70.000.000đồng. Ngày 9/12/2011 chị A đã đưa cho Nguyễn Thị Mai Q số tiền trên cùng 01 bộ hồ sơ xin việc làm. Nguyễn Thị Mai Q hẹn “03 tháng sau sẽ có quyết định đi làm”. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, Nguyễn Thị Mai Q không thực hiện xin việc làm như đã thỏa thuận với chị A mà dùng số tiền đó vào việc chi tiêu cá nhân. Do không có khả năng trả lại tiền, ngày 25/5/2012 Nguyễn Thị Mai Q có viết giấy khất nợ với chị A và cam kết đến ngày 25/6/2012 sẽ trả số tiền trên. Nhưng sau đó Nguyễn Thị Mai Q đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Vụ thứ tư: Nguyễn Thị Mai Q có quan hệ quen biết với anh Phan Tiến V (sinh năm 1982, ĐKHK: Thôn B, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai). Nguyễn Thị Mai Q có thỏa thuận với anh Việt là có khả năng xin việc làm cho cháu của anh Việt vào làm tại công ty A với giá là 50.000.000đồng. Ngày 19/12/2011 anh Việt đã đưa cho Nguyễn Thị Mai Q số tiền trên cùng 01 bộ hồ sơ xin việc làm. Nguyễn Thị Mai Q hẹn “01 tháng sau sẽ trả lời”. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, Nguyễn Thị Mai Q không thực hiện xin việc làm như đã thỏa thuận với anh Việt mà dùng số tiền đó vào việc chi tiêu cá nhân. Do không có khả năng trả lại tiền, ngày 15/12/2012 Nguyễn Thị Mai Q có viết giấy khất nợ với anh Việt và cam kết đến ngày 1/3/2013 sẽ trả số tiền trên. Nhưng sau đó Nguyễn Thị Mai Q đã bỏ trốn khỏi địa phương. Số tiền này Nguyễn Thị Mai Q đã chi tiêu hết.

Vụ thứ năm: Nguyễn Thị Mai Q có quan hệ quen biết với chị Trần Thị L (sinh năm 1982, ĐKHK: Tổ 16, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai). Nguyễn Thị Mai Q có trao đổi và thỏa thuận với chị L là có khả năng xin cho chị L vào làm tại công ty A với giá là 80.000.000đồng. Ngày 15/2/2012 chị L đã đưa cho Nguyễn Thị Mai Q số tiền trên cùng 01 bộ hồ sơ xin việc làm. Nguyễn Thị Mai Q và chị L thống nhất để Nguyễn Thị Mai Q viết giấy biên nhận và hẹn “xin được việc cho chị L trước ngày 30/6/2012”. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, Nguyễn Thị Mai Q không thực hiện xin việc làm như đã thỏa thuận với chị L mà dùng số tiền đó vào việc chi tiêu cá nhân. Do không có khả năng trả lại tiền, ngày 30/6/2012, Nguyễn Thị Mai Q có viết giấy khất nợ với chị L và cam kết không xin được việc thì sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Nhưng sau đó Nguyễn Thị Mai Q đã bỏ trốn khỏi địa phương. Số tiền này Nguyễn Thị Mai Q đã chi tiêu hết.

Tại bản kết luận số 27/GĐTL ngày 15/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Mai Q trên các tài liệu do cơ quan điều tra Công an thành phố L trưng cầu giám định

có ký hiệu từ A1 đến A5 với chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị Mai Q trên các tài liệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết và ký ra.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt được là 355.000.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng). Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động mẹ đẻ bị cáo là bà Nguyễn Thị Ngân đã bồi thường thay bị cáo cho những người bị hại tổng số tiền là 355.000.000đ, những người bị hại đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Tại bản án số 92/2017/HSST Ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mai Q phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 điều 139; điểm b, p, l khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai Q 08 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam ngày 07/5/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2017 bị cáo Nguyễn Thị Mai Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền cho các bị hại; các bị hại đã có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn: Hiện bố đẻ đã chết chỉ còn mẹ già và 02 con còn rất nhỏ.

Ngày 28 và ngày 29/9/2017 những người bị hại đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo với lý do: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền cho các bị hại; Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn: Hiện bố đẻ đã chết chỉ còn mẹ già và 02 con còn rất nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo Nguyễn Thị Mai Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, p, l khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự nhưng mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai Q 08 năm tù là quá nặng nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó kháng cáo của bị cáo và những người bị hại về việc xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 248; điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa một phần bản án số 92/2017/HSST Ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về phần hình phạt như

sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mai Q phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 điều 139; điểm b, p, l khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai Q mức án từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Mai Q tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người bị hại, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến ngày 15/2/2012, lợi dụng mối quan hệ quen biết và nhu cầu cần xin việc làm của bị hại và cho con em của những người bị hại, mặc dù không có khả năng xin việc làm nhưng bị cáo Nguyễn Thị Mai Q đã dùng thủ đoạn gian dối để những người bị hại là chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Bùi Thị H , chị Trần Thị A , anh Phan Tiến V, chị Trần Thị L đưa tổng số tiền cho bị cáo là 355.000.000đ. Sau đó bị cáo không thực hiện xin việc như đã cam kết mà dùng toàn bộ số tiền trên chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn. Vì vậy, bản án số 92/2017/HSST Ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của những người bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo Nguyễn Thị Mai Q trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội thì bị cáo đã tác động mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Ngân bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội là phụ nữ có thai; bị cáo được những người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo có ông nội là liệt sỹ và ông ngoại được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất và huân chương chiến sỹ vẻ vang.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, p, l khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 01 ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của các Điều 139, 193, 194... Bộ luật

Hình sự năm 1999” thì mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai Q 08 năm tù là quá nặng.

Từ những phân tích trên, xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng thêm cho bị cáo Điều 47 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định cũng đủ để răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại và thực sự biết ăn năn hối cải. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và của những người bị hại.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Mai Q và kháng cáo của các bị hại, sửa bản án số 92/2017/HSST Ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về hình phạt chính đối với bị cáo như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mai Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p, l khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai Q 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam ngày 07/5/2017.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh 2;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Trại tạm giam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an thành phố L;
- TAND thành phố L;
- VKSND thành phố L;
- CC THADS thành phố L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Lù Làn Dìn